TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022.
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trung Tín;

2. Bà Trần Thị Thúy.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ô5/377, tổ 13, khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh TN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự quen biết tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh P ngày

24/7/2014. Trong quá trình chung sống chị và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh S không quan tâm chăm sóc gì cho gia đình. Đến khoảng năm 2016, chị và các con bỏ về nhả ba mẹ ruột chị sống và ly thân với anh S cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị vẫn không gặp nhau, không hòa giải hàn gắn gia đình được. Nên nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không chung sống với anh S được nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung tên Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 28/9/2010 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/01/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – Anh Nguyễn Văn S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh S không đến để trình bày theo yêu cầu của Tòa án cũng như không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử mặc dù qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp anh S vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và biết sự việc này nhưng anh cố tình vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn S đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao 02 cháu Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 28/9/2010 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/01/2012 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị Lê Thanh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh P ngày 24/7/2014 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị T trình bày mâu thuẫn phát sinh là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác, anh S không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thanh T và anh Nguyễn Văn S có 02 người con chung tên Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 28/9/2010 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/01/2012. Hiện tại con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại hai cháu Đ1 và T1 đang sống chung với chị T, từ ngày ly thân cho đến nay chị T vẫn nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con chung. Mặt khác, hai cháu đã trên 7 tuổi, qua làm việc hai cháu có nguyện vọng muốn được sống chung với chị T. Do vậy, cần giao hai cháu Đ1 và T1 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thanh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thanh T với anh Nguyễn Văn S.

Chị Lê Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 28/9/2010 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/01/2012 cho chị Lê Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thanh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0024002 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thanh T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị T, anh S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân